Equity Report: CTCP FPT (HOSE: FPT)

Analyst
Phan The Le
Mail: thelp@gtht.com.vn – ext 702

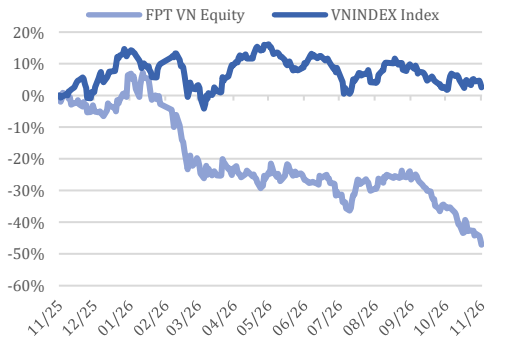
19/11/2026

Cập nhật cuộc gặp Nhà đầu tư ngày 18/11/2026

LNST cổ đông công ty mẹ 9T2026 đạt 7,778 tỷ đồng (+13.3% YoY); doanh thu thuần hợp nhất giảm 19.8% xuống 40,023 tỷ đồng do FPT Telecom không còn được hợp nhất từ 2026. Trên cơ sở so sánh tương đương, doanh thu và LNTT 10T2026 tăng 12.5% và 16.8% YoY, hoàn thành 77% và 84% kế hoạch năm. Tại buổi gặp nhà đầu tư ngày 18/11, ban lãnh đạo xác định Q3 là đáy của FPT Software (doanh thu USD 360.8M, +8.1% YoY), khi đàm phán tăng giá tại Nhật làm lùi thời điểm ký kết một số hợp đồng. Doanh thu CNTT nước ngoài tháng 10 đã tăng trở lại hai chữ số; công ty dự báo Q4 đạt USD 394.9M (+9.5% QoQ) và cả năm khoảng USD 1.47B (+~10%). Chiến lược chuyển hướng từ mô hình tính phí theo giờ công sang cam kết kết quả và giải pháp gắn với AI của FPT đã có kết quả bước đầu: đơn giá offshore tại Nhật tăng 9%, tỷ trọng doanh thu dịch vụ AI trong doanh thu tại thị trường Nhật tăng từ khoảng 10% lên 41%. Tuy nhiên, biên lợi nhuận sẽ chịu áp lực trong 12 tháng tới do JPY yếu, chi phí đầu tư AI và chi phí duy trì song song hai lực lượng nhân sự đến 2027.

Giá hiện tại: (19/11/2026)	**VNĐ 45,700**
6-18m TP:	**N/A**
Upside	N/A

Price performance



Price change	1 M	3 M	1Y
% Abs.	-19.3%	-25.2%	-47.1%
% Rel to VNIndex	-19.2%	-23.5%	-49.7%
Avg price (VND)	52,722	59,623	70,193

Source: Bloomberg, FiinX, Guotai Haitong (VN)

Nhận định

FPT vẫn đối diện với những khó khăn nhất định trong bối cảnh làn sóng AI toàn cầu phát triển và biến đổi với tốc độ cao. Kết quả kinh doanh 10 tháng cho thấy những thông tin tích cực và tiêu cực đan xen. Một mặt, doanh nghiệp đã cố gắng thích nghi trong bối cảnh mới với việc chuyển dịch mô hình dịch vụ CNTT và cho thấy một số thành quả tích cực. Mặt khác, tốc độ tăng trưởng doanh thu của FPT dù đạt 2 con số, song có dấu hiệu suy yếu so với giai đoạn trước. Song song, biên lợi nhuận thu hẹp trực tiếp ảnh hưởng đến triển vọng lợi nhuận của doanh nghiệp trong bối cảnh mới.

Rủi ro đầu tư: JPY suy yếu; Khách hàng trì hoãn hợp đồng lớn, cắt giảm ngân sách AI; Chi phí chuyển đổi kéo dài.

Shares in issue (m)	1,885.73	Major shareholder	Trương Gia Bình 6.89%
Market cap. (VND b)	88,534.9	Free float (%)	85.0%
3-month average vol. ('000)	7,218.28	D/E	0.38
52-week high/ low (VND)	95,144/46,950		

Source: FPT, FiinX, Guotai Haitong (VN).

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3 VÀ 9T2026

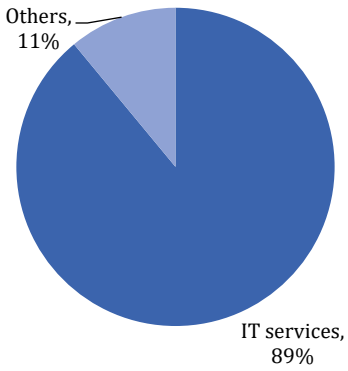
Tóm tắt KQKD

Chỉ tiêu (đvt: Tỷ VND)	3Q2025	3Q2026	% YoY	9T2025	9T2026	% YoY
Doanh thu thuần	**17,205**	**13,754**	**(20%)**	**49,887**	**40,023**	**(20%)**
Giá vốn hàng bán	(10,686)	(9,490)	(11%)	(31,046)	(27,234)	(12%)
Lợi nhuận gộp	**6,519**	**4,264**	**(35%)**	**18,841**	**12,789**	**(32%)**
Doanh thu tài chính	613	530	(14%)	2,423	1,529	(37%)
Chi phí tài chính	(353)	(319)	(9%)	(1,195)	(988)	(17%)
Trong đó: Chi phí lãi vay	*(234)*	*(220)*	*(6%)*	*(603)*	*(612)*	*2%*
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết	131	797	509%	374	2,220	493%
Chi phí bán hàng	(1,917)	(1,058)	(45%)	(5,536)	(3,209)	(42%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1,647)	(1,187)	(28%)	(5,438)	(3,680)	(32%)
Lợi nhuận từ HĐKD	**3,346**	**3,027**	**(10%)**	**9,470**	**8,660**	**(9%)**
Thu nhập khác, ròng	28	29	2%	71	110	55%
Lợi nhuận trước thuế	**3,375**	**3,056**	**(9%)**	**9,540**	**8,770**	**(8%)**
Thuế TNDN	(473)	(327)	(31%)	(1,303)	(994)	(24%)
Lợi nhuận sau thuế	**2,902**	**2,729**	**(6%)**	**8,237**	**7,776**	**(6%)**
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	467	6	(99%)	1,371	(2)	n.m.
LNST cổ đông công ty mẹ	**2,435**	**2,723**	**12%**	**6,867**	**7,778**	**13%**
Tỷ suất sinh lời	**3Q2025**	**3Q2026**		**9T2025**	**9T2026**	
Biên lợi nhuận gộp	37.9%	31.0%		37.8%	32.0%	
Biên LNST cổ đông công ty mẹ	14.2%	19.8%		13.8%	19.4%	

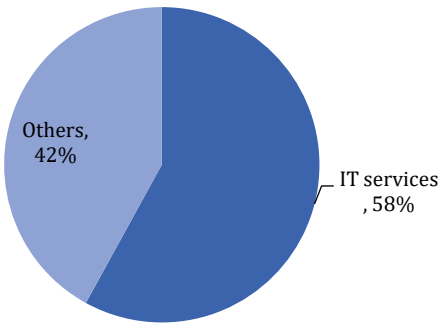
Nguồn: FPT, FiinproX, GTHTSVN Research tổng hợp.

Từ 01/01/2026, FPT Telecom được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu; số liệu 2025 theo BCTC đã công bố (bao gồm FPT Telecom). FPT hiện nắm 45.66% cổ phần tại FPT Telecom.

Cơ cấu doanh thu 9M2026



Cơ cấu doanh thu 9M2026



Nguồn: FPT, GTHTSVN Research

Nhận định KQKD

- Doanh thu giảm do thay đổi phương pháp hợp nhất, không phải do suy giảm hoạt động kinh doanh cốt lõi. Từ 01/01/2026, FPT Telecom chuyển từ công ty con sang công ty liên kết sau khi quyền đại diện phần vốn nhà nước tại FPT Telecom được chuyển về Bộ Công an; FPT chỉ còn ghi nhận phần lãi tương ứng tỷ lệ sở hữu khoảng 45.7%. Vì vậy, doanh thu thuần 9T2026 giảm 19.8% YoY xuống 40,023 tỷ đồng, trong khi lãi từ công ty liên doanh, liên kết tăng từ 374 tỷ lên 2,220 tỷ đồng. Theo số liệu so sánh tương đương do công ty công bố, doanh thu 10T2026 tăng 12.5% YoY, trong đó CNTT nước ngoài +12.2%, CNTT trong nước +26.5% và giáo dục & khác -2.5%. ***Do đó, các chỉ tiêu doanh thu, chi phí và biên lợi nhuận năm 2026 không so sánh trực tiếp được với số liệu 2025 đã công bố.***

- LNST cổ đông công ty mẹ tăng trưởng hai chữ số, biên gộp giảm chủ yếu do thay đổi cơ cấu. LNST cổ đông công ty mẹ Q3/2026 đạt 2,723 tỷ đồng (+11.8% YoY), lũy kế 9T2026 đạt 7,778 tỷ đồng (+13.3% YoY); chỉ tiêu này không bị ảnh hưởng bởi thay đổi phương pháp hợp nhất. Biên lợi nhuận gộp 9T2026 giảm xuống 32.0% từ 37.8% cùng kỳ, chủ yếu do không còn hợp nhất mảng viễn thông có biên gộp cao hơn. Bên cạnh đó, ban lãnh đạo cho biết đồng JPY yếu, chi phí đầu tư AI và chi phí đào tạo lại nhân sự đang tạo áp lực lên biên lợi nhuận của khối công nghệ.

CẬP NHẬT TỪ BUỔI GẶP NHÀ ĐẦU TƯ (18/11/2026)

1. Q3 là đáy của FPT Software, Q4 kỳ vọng đạt doanh thu cao nhất từ trước tới nay.

Doanh thu FPT Software Q3/2026 đạt USD 360.8M (+8.1% YoY), chậm lại so với mức tăng trưởng +13.9% yoy của Q2. Ban lãnh đạo nêu ba nguyên nhân cho sự thay đổi trên: (1) khách hàng trì hoãn các hợp đồng quy mô lớn khi chi tiêu dịch vụ IT toàn cầu 2026 theo Gartner chỉ tăng 5.3%, Q3 chỉ có 2 hợp đồng có quy mô trên USD 10M; (2) tại Nhật, quá trình đàm phán tăng đơn giá kéo dài khiến một số hợp đồng ký lùi một quý, doanh thu Nhật giảm từ USD 180M (Q2) xuống USD 162.6M; (3) doanh thu thị trường APAC tiếp tục giảm 5.4% YoY, dù mức giảm đang thu hẹp. Sang tháng 10, doanh thu CNTT nước ngoài đã quay lại tăng hai chữ số, riêng Nhật tăng khoảng 22% YoY.

Công ty dự báo doanh thu Q4/2026 đạt USD 394.9M (+9.5% QoQ, +8.5% YoY): riêng thị trường Nhật đạt USD 179.9M (+13.3% YoY), Châu Mỹ đạt USD 87.6M (+11.3%), APAC đạt USD 77.3M (-10.3%) và Châu Âu & Trung Đông đạt USD 50.2M (+24.3%). Doanh thu FPT Software cả năm ước đạt khoảng USD 1.47B (+~10%).

Backlog 2026 ước tăng khoảng 17% (theo VND), mục tiêu 2027 tăng 15-20%; tỷ lệ chuyển đổi ký mới thành doanh thu đạt 94%.

2. Chuyển từ mô hình tính phí theo giờ công sang cam kết kết quả: tăng giá thành công, doanh thu dịch vụ AI chiếm 41% doanh thu tại Nhật.

Theo FPT chia sẻ, AI giúp cùng một khối lượng công việc hoàn thành nhanh hơn khoảng 40%. Nếu tiếp tục tính phí theo giờ công, doanh thu sẽ giảm tương ứng; vì vậy FPT chuyển sang hợp đồng Fixed Capacity và định giá theo kết quả, theo đó chi phí khách hàng phải trả ít hơn 10-20% còn FPT giữ lại 20-30 điểm phần trăm lợi ích năng suất. Tại FPT Japan, tỷ trọng hợp đồng truyền thống (T&M) giảm từ 63.7% (Q1) xuống 49.5% (Q4F), còn Fixed Price và Fixed Capacity tăng từ 27.7% lên 37.4%. Doanh thu AI-first của FPT Japan 2026 ước đạt USD 178.3M, bằng 26% doanh thu FPT Japan; tỷ trọng AI theo quý tăng từ khoảng 10% (Q1) lên 41% (Q4).

Năm 2026, FPT đã tăng giá thành công với 55 khách hàng Nhật, đơn giá offshore tính bằng JPY tăng 9%. FPT Japan đã bắt đầu đàm phán tăng giá 2027 với hơn 100 khách hàng và ghi nhận tín hiệu đồng thuận sớm. Theo ban lãnh đạo, kể cả khi tăng giá bình quân 3%/năm, FPT vẫn cạnh tranh hơn các đối thủ Ấn Độ tại Nhật. Về đối tác, FPT Software là đối tác đầu tiên trên thế giới đạt chứng nhận Frontier Advanced Specialization của Microsoft (12/11/2026).

3. Biên lợi nhuận chịu áp lực trong giai đoạn chuyển đổi đến 2027.

Trong cuộc họp, ban lãnh đạo FPT đã đề cập đến ba yếu tố có thể gây áp lực lên biên lợi nhuận ngắn hạn: (1) đồng JPY giảm sâu ảnh hưởng đến doanh thu từ thị trường nước ngoài của FPT do Nhật là thị trường nước ngoài chính và lâu năm của doanh nghiệp; (2) chi phí đầu tư mảng dịch vụ AI ban đầu lớn khi thử nghiệm song song mô hình của Microsoft, OpenAI, Google và Anthropic; (3) chi phí đào tạo lại và điều chuyển nhân sự để phù hợp với mô hình kinh doanh mới. Theo chia sẻ từ ban lãnh đạo, nhân sự ròng của FPT chỉ tăng khoảng 1,000 người do doanh nghiệp tối ưu nhóm nhân sự chờ việc trong bối cảnh mới (trước đây 7-10%). Đến hết 2027, FPT phải duy trì song song hai lực lượng cho dự án legacy và dự án mới; công ty kỳ vọng hoàn tất chuyển đổi trong 2027-2028, sau đó năng suất tăng mạnh và tuyển dụng tăng tuyến tính theo doanh thu.

Quy mô nhân sự của FPT

	2022	2023	2024	2025	9M2026
Quy mô nhân sự	42,408	48,162	54,646	54,110	44,572

(*) Lưu ý, số lượng nhân sự của FPT giảm so với 2025YE do không tính nhân sự của FPT Telecom do không còn hợp nhất toàn bộ kể từ 1/1/2026.

Trong khi đó, số lượng nhân sự trong lĩnh vực công nghệ thông tin của FPT tại thời điểm cuối quý 3/2026 là 37,618 người, tăng 6% ytd.

Ở các mảng khác, khối giáo dục chịu cạnh tranh từ hệ thống đại học công lập (chiếm trên 80% thị phần) và đang mở các ngành mới như thiết kế bán dẫn, physical AI, kỳ vọng tuyển sinh phục hồi từ 2027. Ban lãnh đạo cũng lưu ý một số khách hàng đã cắt giảm ngân sách AI do triển khai thực tế gặp khó khăn về bảo mật, hiệu năng và độ ổn định.

RỦI RO ĐẦU TƯ

- **Tỷ giá JPY**: Nhật đóng góp khoảng 45% doanh thu FPT Software; JPY suy yếu làm giảm doanh thu và biên lợi nhuận khi quy đổi sang VND.
- **Nhu cầu CNTT và ngân sách AI:** Khách hàng có thể tiếp tục trì hoãn hợp đồng lớn hoặc cắt giảm ngân sách AI, làm chậm tăng trưởng ký mới năm 2027.
- **Rủi ro thực thi chuyển đổi:** Định giá theo kết quả chuyển rủi ro năng suất sang FPT; chi phí duy trì song song hai lực lượng có thể kéo dài nếu tiến độ chậm hơn kế hoạch.

Phụ lục: Báo cáo tài chính

KQKD (tỷ đồng)	2024A	2025A	9T2026
Doanh thu thuần	**62,849**	**70,113**	**40,023**
Giá vốn hàng bán	(39,150)	(44,224)	(27,234)
Lợi nhuận gộp	**23,698**	**25,889**	**12,789**
Chi phí bán hàng	(6,116)	(7,563)	(3,209)
Chi phí quản lý DN	(7,074)	(7,337)	(3,680)
LN từ HĐKD (EBIT)	**10,508**	**10,989**	**5,900**
Doanh thu tài chính	1,936	2,977	1,529
Chi phí tài chính	(1,812)	(1,672)	(988)
Trong đó: chi phí lãi vay	(552)	(810)	(612)
LN từ công ty LDLK	393	658	2,220
Thu nhập/(lỗ) ròng khác	45	92	110
LNTT	**11,070**	**13,044**	**8,770**
Thuế TNDN	(1,642)	(1,811)	(994)
LNST trước lợi ích CĐTS	**9,427**	**11,232**	**7,776**
Lợi ích CĐTS	(1,571)	(1,856)	2
LNST sau lợi ích CĐTS	**7,857**	**9,376**	**7,778**
EBITDA	13,044	13,903	7,193
EPS điều chỉnh (VND)	4,166	4,972	4,125
BVPS (VND)	20,253	21,416	22,736
Số CP lưu hành cuối kỳ (tr)	1,471	1,704	1,886
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	**2024A**	**2025A**	**9T2026**
Tăng trưởng			
Tăng trưởng doanh thu	19.4%	11.6%	(19.8%)
Tăng trưởng LN từ HĐKD	24.3%	4.6%	(25.0%)
Tăng trưởng LNTT	20.3%	17.8%	(8.1%)
Tăng trưởng LNST công ty mẹ	21.5%	19.3%	13.3%
Tăng trưởng EPS điều chỉnh	21.5%	19.3%	13.3%
Khả năng sinh lời			
Biên LN gộp	37.7%	36.9%	32.0%
Biên LN từ HĐKD (EBIT)	16.7%	15.7%	14.7%
Biên EBITDA	20.8%	19.8%	18.0%
Biên LNST	12.5%	13.4%	19.4%
ROE	28.7%	28.3%	26.1%
ROA	11.9%	11.7%	12.7%
Hiệu quả hoạt động			
Số ngày tồn kho	17.3	18.1	19.7
Số ngày phải thu	61.2	66.3	74.0
Số ngày phải trả	41.2	31.7	19.1
Chu kỳ chuyển đổi tiền	37.3	52.7	74.6
Thanh khoản			
Thanh toán hiện hành	1.31x	1.40x	1.65x
Thanh toán nhanh	1.25x	1.35x	1.58x
Thanh toán tiền mặt	0.89x	0.97x	1.04x
Cơ cấu vốn			
Nợ vay/Tổng tài sản	20.8%	23.9%	22.0%
Nợ vay/VCSH	41.8%	48.2%	37.7%
Nợ phải trả/Tổng tài sản	50.4%	50.4%	41.5%
Nợ ròng/VCSH	(45.2%)	(43.6%)	(27.8%)
EBIT/Lãi vay (lần)	19.0x	13.6x	9.6x

BẢNG CĐKT (tỷ đồng)	2024A	2025A	9T2026
Tiền và tương đương tiền	9,315	10,522	7,377
Đầu tư TC ngắn hạn	21,785	29,631	21,450
Các khoản phải thu ngắn hạn	11,382	14,402	13,064
Hàng tồn kho	1,857	2,194	1,965
TS ngắn hạn khác	1,197	1,389	2,120
Tổng TS ngắn hạn	**45,536**	**58,137**	**45,977**
Tài sản cố định (ròng)	14,816	17,289	12,115
Bất động sản đầu tư	-	-	-
XDCB dở dang	2,560	1,605	1,131
Đầu tư TC dài hạn	3,318	4,738	12,175
TS dài hạn khác	5,770	6,373	3,932
Tổng TS dài hạn	**26,464**	**30,005**	**29,353**
Tổng tài sản	**72,000**	**88,142**	**75,329**
Phải trả người bán	4,424	3,837	1,907
Người mua trả tiền trước	562	735	761
Nợ vay ngắn hạn	14,446	19,170	14,316
Nợ vay dài hạn	501	1,904	2,280
Nợ phải trả khác	16,339	18,749	12,025
Tổng nợ phải trả	**36,272**	**44,394**	**31,290**
Vốn cổ phần	14,711	17,035	18,857
Thặng dư vốn CP	50	50	50
LN sau thuế chưa phân phối	11,031	14,302	21,380
Quỹ và vốn khác	4,003	5,096	2,587
VCSH công ty mẹ	**29,794**	**36,483**	**42,874**
Lợi ích CĐTS	5,933	7,265	1,166
Tổng vốn chủ sở hữu	**35,728**	**43,748**	**44,039**
Tổng cộng nguồn vốn	**72,000**	**88,142**	**75,329**
LCTT (tỷ đồng)	**2024A**	**2025A**	**9T2026**
Tiền đầu kỳ	8,279	9,315	10,522
Lợi nhuận trước thuế	11,070	13,044	8,770
Khấu hao	2,535	2,914	1,293
Thay đổi vốn lưu động	303	(1,249)	(4,226)
Điều chỉnh khác	(2,204)	(4,573)	(4,885)
Tiền từ hoạt động KD	**11,704**	**10,136**	**952**
Chi mua sắm TSCĐ, ròng	(3,261)	(5,091)	(2,025)
Cho vay, đầu tư góp vốn, ròng	(6,731)	(8,535)	(4,764)
Lãi cho vay, cổ tức nhận được	1,530	2,001	1,246
Tiền từ hoạt động đầu tư	**(8,462)**	**(11,625)**	**(5,543)**
Cổ tức đã trả	(3,292)	(4,574)	(1,716)
Tăng/(giảm) vốn	163	1,196	108
Vay/(trả nợ) ròng	931	6,179	3,083
Tiền từ hoạt động tài chính	**(2,198)**	**2,801**	**1,475**
Tổng lưu chuyển tiền tệ	**1,044**	**1,313**	**(3,116)**
Ảnh hưởng tỷ giá	(8)	(106)	(28)
Tiền cuối kỳ	**9,315**	**10,522**	**7,377**

XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN – Index.** Kỳ hạn đầu tư**: 6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng>= 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích luỹ	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN – Index** Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Haitong Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI HAITONG VIETNAM RESEARCH DEPARTMENT

Le Phan The

Research Analyst

thelp@gtht.com.vn

(024) 35.730.073 – ext: 702

Tran Thi Hong Nhung

Director

nhungtth@gtht.com.vn

(024) 35.730.073 – ext:703

CHỨNG KHOÁN GUOTAI HAITONG (VIỆT NAM)
GUOTAI HAITONG SECURITIES (VIETNAM)

CONTACT	Hanoi Head Office	HCMC Branch
Advising: (024) 35.730.073 Stock ordering: (024) 35.779.999 Email: info@gtht.com.vn Website: www.gtht.com.vn	R9-10, 1st Floor, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Hà Nội Tel: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088	3rd Floor, No. 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q.3, Tp.HCM Tel: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696